SỞ Y TẾ PHÚ THỌ
TTYT KHU VỰC ĐOAN HÙNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **514**/QĐ- TTYT

Đoan Hùng, ngày 25 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm gói thầu: Vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế lần 7 năm 2026 phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế khu vực Đoan Hùng

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐOAN HÙNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thấu về lựa chọn nhà thầu ;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về việc Quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thấu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 09 năm 2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực y tế khối tỉnh quản lý giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Tổ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại tờ trình số 82/TTr-TKHLCNT ngày 23/11/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm gói thầu: Vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế lần 7 năm 2026 phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế khu vực Đoan Hùng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm gói thầu: Vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế lần 7 năm 2026 phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế khu vực Đoan Hùng với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Tổ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Tổ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu và các khoa phòng thuộc Trung tâm y tế khu vực Đoan Hùng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐOAN HÙNG

Nguyễn Giang Long

Phụ lục

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN MUA SẮM GÓI THẦU: VẬT TƯ Y TẾ, HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM, SINH PHẨM Y TẾ LẦN 7 NĂM 2026 PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH TẠI TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐOAN HÙNG

(Kèm theo Quyết định số: 514 /QĐ-TTYT ngày 25 tháng 11năm 2026 của Giám đốc Trung tâm y tế khu vực Đoan Hùng)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	Trung tâm Y tế khu vực Đoan Hùng	Gói thầu mua sắm: Mua sắm vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế lần 7 năm 2026 phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế khu vực Đoan Hùng *(danh mục chi tiết tại phụ lục đính kèm)*	Mua sắm: Vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế lần 7 năm 2026 phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế khu vực Đoan Hùng	**1.812.613.241**	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn vốn hợp pháp khác của Trung tâm	Chào hàng trực tuyến rút gọn		20 ngày	Tháng 11/2026	Trọn gói	120 ngày	Không đề xuất
Tổng giá gói thầu: Một tỷ, tám trăm mười hai triệu, sáu trăm mười ba nghìn, hai trăm bốn mốt đồng.												

Danh sách phần lô:

Phần I:	295.695.750đ	Gồm 18 mặt hàng	Phần VII:	47.780.000đ	Gồm 05 mặt hàng
Phần II:	253.419.432đ	Gồm 25 mặt hàng	Phần VIII	16.250.000đ	Gồm 02 mặt hàng
Phần III:	151.556.500đ	Gồm 24 mặt hàng	Phần IX	125.061.300đ	Gồm 01 mặt hàng
Phần IV:	159.792.000đ	Gồm 09 mặt hàng	Phần X	121.275.000đ	Gồm 02 mặt hàng
Phần V:	399.934.000đ	Gồm 05 mặt hàng	Phần XI	194.915.259đ	Gồm 08 mặt hàng
Phần VI:	46.934.000đ	Gồm 03 mặt hàng			

BẢNG KÊ CHI TIẾT DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM, SINH PHẨM Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số: 514/QĐ-TTYT ngày 25 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm y tế khu vực Đoan Hùng)

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
Phần I. Vật tư y tế:						**295.695.750**	
1.1	Giấy điện tim 6 cần, 110mm x 140mm x 143 sheets	Tập	Trung Quốc	200	35.000	**7.000.000**	
1.2	Túi camera nội soi	Cái	Việt Nam	500	6.615	**3.307.500**	
1.3	Bao cao su	Cái	Việt Nam	1.000	840	**840.000**	
1.4	Test aso	Test	Ai Cập	100	4.800	**480.000**	
1.5	Khay thử xét nghiệm định tính các kháng nguyên virus	Test	Trung Quốc	2.000	75.000	**150.000.000**	
1.6	Ống nghiệm PS có nắp 10ml (16x100mm)	Cái	Việt Nam	10.000	1.150	**11.500.000**	
1.7	Ống nghiệm 5ml	Cái	Việt Nam	4.000	500	**2.000.000**	
1.8	Giấy in máy siêu âm đen trắng	Cuộn	Hàn Quốc	400	120.000	**48.000.000**	
1.9	Que thử nước tiểu dùng cho máy SIEMENS CLINITEK status+	Test	Mỹ	2.400	9.975	**23.940.000**	
1.10	Kim 3 cạnh khâu cơ	Cái	Trung Quốc	50	1.365	**68.250**	
1.11	Anti Human Globulin (Coombs)	Lọ	Ai Cập	5	315.000	**1.575.000**	
1.12	Bộ catheter thận nhân tạo hai nòng, 12F, đầu thẳng	Bộ	Trung Quốc	20	360.000	**7.200.000**	
1.13	Giấy in monitor theo dõi thai nhi FC700, 215mm x 30m	Cuộn	Trung Quốc	100	75.000	**7.500.000**	

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
1.14	Que bông vô trùng lấy bệnh phẩm	Cái	Trung Quốc	1.000	1.500	**1.500.000**	
1.15	Túi ép dẹp 350mm x 200m	Cuộn	Trung Quốc	8	1.800.000	**14.400.000**	
1.16	Nhiệt kế thủy ngân	Cái	Trung Quốc	200	27.100	**5.420.000**	
1.17	Mask thanh quản, (số 3+4)	Cái	Trung Quốc	4	1.350.000	**5.400.000**	
1.18	Test nhanh chẩn đoán tay chân miệng	Test	Trung Quốc	100	55.650	**5.565.000**	
Phần II. Hóa chất máy miễn dịch Access 2:						**253.419.432**	
2.1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do, 2x50test	Hộp	Mỹ	2	2.614.500	**5.229.000**	
2.2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng βhCG toàn phần, 2x50test	Hộp	Mỹ	6	4.563.300	**27.379.800**	
2.3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng βhCG toàn phần, 6x4mL	Hộp	Mỹ	2	3.259.368	**6.518.736**	
2.4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần, 2x50test	Hộp	Mỹ	1	5.867.400	**5.867.400**	
2.5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA, 2x50test	Hộp	Pháp	2	7.169.400	**14.338.800**	
2.6	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA, 6x2.5mL	Hộp	Pháp	1	4.888.800	**4.888.800**	
2.7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH, 2x100test	Hộp	Mỹ	2	5.216.400	**10.432.800**	
2.8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 tự do, 2x50test	Hộp	Mỹ	2	3.912.300	**7.824.600**	

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
2.9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin, 2x50test	Hộp	Mỹ	2	2.614.500	**5.229.000**	
2.10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3, 2x50test	Hộp	Mỹ	2	3.259.200	**6.518.400**	
2.11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125, 2x50test	Hộp	Mỹ	1	9.496.200	**9.496.200**	
2.12	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125, 6x2.5mL	Hộp	Mỹ	1	5.216.400	**5.216.400**	
2.13	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9, 6x2.5mL	Hộp	Mỹ	1	8.019.900	**8.019.900**	
2.14	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 19-9, 2x50test	Hộp	Mỹ	1	9.586.500	**9.586.500**	
2.15	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3, 2x50test	Hộp	Mỹ	1	9.586.500	**9.586.500**	
2.16	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3, 6x1.5mL	Hộp	Mỹ	1	6.851.250	**6.851.250**	
2.17	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cortisol, 2x50test	Hộp	Mỹ	3	3.259.200	**9.777.600**	
2.18	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP, 2x50test	Hộp	Mỹ	2	4.888.800	**9.777.600**	
2.19	IVD đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch, Hộp 4x1950mL	Thùng	Trung Quốc	5	2.948.400	**14.742.000**	

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
2.20	IVD kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch, 4x130mL	Hộp	Mỹ	2	10.810.800	**21.621.600**	
2.21	Thuốc thử xét nghiệm định lượng BNP, 2x50test	Hộp	Mỹ	1	30.450.000	**30.450.000**	
2.22	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng BNP, 6x1.5mL	Hộp	Mỹ	1	2.759.400	**2.759.400**	
2.23	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I tim, 2x50test	Hộp	Mỹ	1	7.035.000	**7.035.000**	
2.24	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I tim, 3x1.5mL+ 4x1mL	Hộp	Mỹ	1	2.516.850	**2.516.850**	
2.25	IVD là giếng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch, Hộp 16x98 pcs	Hộp	Mỹ	3	3.918.432	**11.755.296**	
Phần III. Hóa chất máy sinh hóa (Model: Polaris C1000):						**151.556.500**	
3.1	Hóa chất định lượng Urea trong máu, 4x50ml + 4x13,5ml	Hộp	Italy	1	2.066.000	**2.066.000**	
3.2	Hóa chất định lượng Creatinine trong máu , 4x50ml + 4x7ml	Hộp	Italy	2	3.405.000	**6.810.000**	
3.3	Hóa chất định lượng acid urid trong máu, 4x42ml + 4x11ml	Hộp	Italy	1	2.910.000	**2.910.000**	
3.4	Hóa chất định lượng Cholesterol trong máu, 6x50ml	Hộp	Italy	1	3.392.000	**3.392.000**	
3.5	Hóa chất định lượng Triglycerides trong máu, 6x50ml	Hộp	Italy	1	4.330.000	**4.330.000**	

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
3.6	Hóa chất định lượng HDL Cholesterol, 2x31,5ml + 2x10,5ml	Hộp	Italy	1	6.068.000	**6.068.000**	
3.7	Hóa chất định lượng LDL Cholesterol, 1x31,5ml + 1x10,5ml	Hộp	Italy	1	2.621.000	**2.621.000**	
3.8	Hóa chất định lượng AST/ GOT trong máu, 4x47ml + 4x5,5ml	Hộp	Italy	4	3.742.000	**14.968.000**	
3.9	Hóa chất định lượng ALT /GPT trong máu, 4x47ml + 4x5,5ml	Hộp	Italy	4	2.794.000	**11.176.000**	
3.10	Chất hiệu chuẩn đa thông số xét nghiệm sinh hóa, 4 x 3ml	Hộp	Italy	1	3.049.300	**3.049.300**	
3.11	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn Phần trong máu, 4x41ml + 4x10,5ml	Hộp	Italy	2	2.647.200	**5.294.400**	
3.12	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp trong máu, 4x46ml + 4x12ml	Hộp	Italy	3	3.256.800	**9.770.400**	
3.13	Hóa chất định lượng Albumin trong máu, 6x50ml	Hộp	Italy	3	2.588.000	**7.764.000**	
3.14	Hóa chất định lượng Calcium toàn phần trong máu 6x50ml, 6x50ml	Hộp	Italy	1	3.204.000	**3.204.000**	
3.15	Hóa chất định lượng Amylase trong máu, 3x50ml	Hộp	Italy	1	6.814.000	**6.814.000**	
3.16	Hóa chất định lương GGT trong máu, 4x42ml + 4x11ml	Hộp	Italy	1	4.659.000	**4.659.000**	

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
3.17	Hóa chất định lương CRP trong máu, 1 x 50ml +1 x 5,5ml	Hộp	Italy	2	3.718.500	**7.437.000**	
3.18	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP, 5x1mL	Bộ	Bỉ	1	4.900.000	**4.900.000**	
3.19	Hóa chất định lượng Iron Ferene trong máu, 4x35ml + 4x3,5ml	Hộp	Italy	1	2.684.400	**2.684.400**	
3.20	Dung dịch rửa máy có tính acid, 1x2 Lít	Can	Trung Quốc	1	3.600.000	**3.600.000**	
3.21	Dung dịch rửa máy có tính kiềm, 1x2 Lít	Can	Trung Quốc	1	3.600.000	**3.600.000**	
3.22	Hóa chất định lượng Protein toàn phần trong máu, 6x50ml	Hộp	Italy	6	2.794.000	**16.764.000**	
3.23	Hóa chất định lượng CK-MB trong máu, 2x41,5ml + 2x10,5ml	Hộp	Italy	1	7.675.000	**7.675.000**	
3.24	Bóng đèn cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	Trung Quốc	2	5.000.000	**10.000.000**	
Phần IV. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải HYLYTE-300						**159.792.000**	
4.1	Hóa chất điện giải đồ Ion, 390 ml+ 160 ml	Hộp	Trung Quốc	15	4.829.000	**72.435.000**	
4.2	Chất làm đầy các điện cực thành phần, 10ml	Hộp	Trung Quốc	1	2.800.000	**2.800.000**	
4.3	Chất rửa thường quy hệ thống xét nghiệm điện giải đồ, 250ml	Chai	Trung Quốc	1	2.900.000	**2.900.000**	

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
4.4	Điện cực Ca	Cái	Trung Quốc	1	12.493.000	**12.493.000**	
4.5	Điện cực K	Cái	Trung Quốc	1	12.493.000	**12.493.000**	
4.6	Điện cực Na	Cái	Trung Quốc	1	12.493.000	**12.493.000**	
4.7	Điện cực CL	Cái	Trung Quốc	1	12.493.000	**12.493.000**	
4.8	Điện cực tham chiếu	Cái	Trung Quốc	1	12.493.000	**12.493.000**	
4.9	Dây bơm cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	Trung Quốc	4	4.798.000	**19.192.000**	
Phần V. Hóa chất cho máy huyết học OX580:						**399.934.000**	
5.1	Dung dịch pha loãng máu toàn phần xét nghiệm huyết học, DIL-A Diluent 580.20, 20 lít	Bình	Pháp	14	4.460.000	**62.440.000**	
5.2	Chất phá vỡ xác định Hemoglobin xét nghiệm huyết học, LYA-1 Lyse 580.5, 500ml	Chai	Pháp	19	3.640.000	**69.160.000**	
5.3	Chất phá vỡ tế bào xét nghiệm huyết học, LYA-2 Lyse 580.51, 500ml	Chai	Pháp	19	6.500.000	**123.500.000**	
5.4	Chất phá vỡ tế bào hồng cầu xét nghiệm huyết học,LYA-3 Lyse 580.1, 1 lít	Chai	Pháp	24	5.760.000	**138.240.000**	
5.5	Chất rửa hệ thống máy xét nghiệm huyết học, CLE-P Cleanser 500.05, 50ml	Lọ	Pháp	3	2.198.000	**6.594.000**	
Phần VI. Hóa chất cho máy huyết học OX560:						**46.934.000**	
6.1.	Dung dịch pha loãng máu toàn phần xét nghiệm huyết học, DIL-C Diluent 560.20, 20 lít	Bình	BALIO Diagnostics – GMT SARL, Pháp	3	6.728.000	**20.184.000**	

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
6.2	Chất phá vỡ xác định Hemoglobin xét nghiệm huyết học, LYC-1 Lyse 560.2, 200ml	Lọ	BALIO Diagnostics – GMT SARL, Pháp	2	4.096.000	**8.192.000**	
6.3	Chất phá vỡ tế bào xét nghiệm huyết học, LYC-2 Lyse 560.5, 500ml	Chai	BALIO Diagnostics – GMT SARL, Pháp	2	9.279.000	**18.558.000**	
Phần VII. Hóa chất máy xét nghiệm đông máu Solea100:						**47.780.000**	
7.1	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time, BIO-TP LI (Low ISI) Prothrombin Time (PT), "R1: 6 x 4 ml R2: 1 x 25 ml"	Hộp	Pháp	3	1.800.000	**5.400.000**	
7.2	Hóa chất xét nghiệm APTT Kaolin, BIO-CK APTT Kaolin, R1: 6 x 3 ml	Hộp	Pháp	2	1.700.000	**3.400.000**	
7.3	Hóa chất Calci Chloride, CALCIUM CHLORIDE 0.025M, R2: 1 x 60 ml	Hộp	Pháp	2	690.000	**1.380.000**	
7.4	Hóa chất định lượng Fribrinogen, BIO-FIBRI Chronometric determination of Fibrinogen, "R1: 6 x 4 ml R2: 1 x 125 ml"	Hộp	Pháp	4	3.800.000	**15.200.000**	
7.5	Cuvette máy đông máu tự động, Cuvettes racks pour Solea 100, 2.320 test/hộp	Hộp	Pháp	2	11.200.000	**22.400.000**	
Phần VIII. Hóa chất cho máy điện giải H900:						**16.250.000**	
8.1	Thuốc thử cho máy phân tích điện giải (phương pháp điện cực ion chọn lọc - ISE), "Reagent pack XLH-1", "430ml/túi Calibration Solution A + 110ml/túi Calibration Solution B"	Hộp	Trung Quốc	4	3.500.000	**14.000.000**	

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
8.2	Dung dịch rửa điện cực (phương pháp enzyme), Electrode wash solution (enzyme), 25mg/chai × 5 +5ml/chai ×1, ống nhỏ giọt: 1 cái	Hộp	Trung Quốc	3	750.000	**2.250.000**	
Phần IX. Hóa chất cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480:						**125.061.300**	
9.1	Wash-AU 1x5000ml	Chai	Trung Quốc	15	8.337.420	**125.061.300**	
Phần X. Hóa chất máy xét nghiệm huyết học Medonic M32						**121.275.000**	
10.1	IVD là dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học, 20 lít	Thùng	Thụy Điển	10	5.880.000	**58.800.000**	
10.2	Thuốc thử ly giải tế bào máu trong xét nghiệm huyết học, 5 lít	Thùng	Thụy Điển	10	6.247.500	**62.475.000**	
Phần XI. Hóa chất dùng cho máy đông máu tự động Stago:						**194.915.259**	
11.1	Hóa chất pha loãng mẫu dùng cho máy đông máu tự động Stago, 00360 STA - Owren-Koller, 24x15ml	Hộp	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S, Pháp	1	4.360.052	**4.360.052**	
11.2	Hóa chất tẩy rửa dùng cho máy đông máu tự động Stago, 00975 STA Desorb U, 24x15ml	Hộp	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S, Pháp	2	9.117.360	**18.234.720**	
11.3	Hóa chất xét nghiệm PT dùng cho máy đông máu tự động Stago, 01163 STA Neoptimal 5, 6x5ml đông khô + 6x5ml dung dịch đệm	Hộp	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S, Pháp	5	3.119.195	**15.595.975**	
11.4	Dung dịch Canxi dùng cho máy đông máu tự động Stago, 00367 STA - CaCl2 0.025M, 24x15ml	Hộp	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S, Pháp	1	3.969.000	**3.969.000**	

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
11.5	Hóa chất xét nghiệm APTT dùng cho máy đông máu tự động Stago, 00595 STA PTT Automate 5, 12x5ml	Hộp	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S, Pháp	2	16.999.500	**33.999.000**	
11.6	Hoá chất định lượng Fibrinogen dùng cho máy đông máu tự động Stago, 00673 STA - Liquid Fib, 12 x 4ml.	Hộp	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S, Pháp	2	21.134.736	**42.269.472**	
11.7	Cóng phản ứng dùng cho máy đông máu tự động Stago, 39430 STA Satellite Cuvettes, 6 cuộn x 220 cái.	Hộp	DIAGNOSTICA STAGO S.A.S, Pháp	4	17.546.760	**70.187.040**	
11.8	Nước rửa dùng cho máy đông máu tự động Stago, 00973 STA - Cleaner Solution, 2500 ml.	Hộp	Tcoag Ireland Limited, Ireland	4	1.575.000	**6.300.000**	
	Tổng: 102 (khoản)					**1.812.613.241**	

Số tiền bằng chữ : Một tỷ, tám trăm mười hai triệu, sáu trăm mười ba nghìn, hai trăm bốn mốt đồng chẵn .